

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/KDTM-PT

Ngày: 18-8-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thắng

Các Thẩm phán: Ông Trần Quang Cường

Bà Nguyễn Thúy Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2020/TLPT-KDTM ngày 09/6/2020, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng thuê tài sản*”. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/ST-KDTM, ngày: 09/03/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐ-PT ngày 16/6/2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐ-PT ngày 07/7/2020 và số 40/2020/QĐ-PT ngày 28/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng V; địa chỉ trụ sở: số 146, tổ 7, khu 3, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. *Người đại diện theo pháp luật:* ông Nguyễn Quang T - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ 6, khu 3, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (*Văn bản ủy quyền ngày 19/08/2018*); có đơn xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần xây dựng – Đầu tư Phát triển B; địa chỉ: Số 21^A, đường L, phường L, quận K, thành phố H1 Phòng. *Người đại diện theo pháp luật:* ông Lê Tiến V- Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Tiến H, sinh năm 1972; địa chỉ: số 01/09/26 Ng, phường Ng, quận L, thành phố H1 Phòng; Vắng mặt tại phiên tòa. (*Giấy ủy quyền số 181/CT-UQ ngày 03/12/2018 và Giấy ủy quyền số 33/CT-UQ ngày 28/02/2020*).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* ông Bùi Vũ H1, sinh năm 1971; Chức vụ: Đội trưởng Đội xây dựng số 3 – Công ty CPXD – ĐTPT Bạch Đằng 15; địa chỉ: số 82/363 Th, V, quận L, thành phố H1 Phòng; vắng mặt tại phiên tòa, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

- *Kháng cáo:* Công ty Cổ phần xây dựng – Đầu tư Phát triển B.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cùng tài liệu nguyên đơn cung cấp, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 10/09/2016 C.ty V (Bên A) và C.ty B (Bên B) có ký Hợp đồng số 12 để phục vụ thi công Công trình Nhà thi đấu tại phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi ký Hợp đồng, C.ty V đã điều động các phương tiện ô tô, máy xúc, máy ủi, vận chuyển máy móc và nhân công làm việc căn cứ theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng “*Hình thức thuê theo tháng. Máy làm việc theo thời gian; 7h/ngày = 182h/tháng = 26 ca/tháng*”. Công ty V tổng hợp thời gian làm việc như sau:

1. Máy xúc SOLA 300 bánh xích:

- Tháng 9: Làm từ ngày 14/9/2016 đến 15/10/2016 là 01 tháng, với tổng số giờ làm là 211 giờ, thời gian tăng ca: $211 - 182 = 29$ giờ.

- Tháng 10: Làm từ ngày 16/10/2016 đến 05/11/2016 là 20,5 ngày, với tổng số giờ làm là 144 giờ, lượng quy đổi $= 20,5/26 = 0,79$ tháng, không tăng ca.

2. Máy ủi d65:

- Tháng 9: Làm từ ngày 14/9/2016 đến 15/10/2016 là 01 tháng, với tổng số giờ làm là 172,5 giờ, không tăng ca.

- Tháng 10: Làm từ ngày 16/10/2016 đến 24/10/2016 là 09 ngày, với tổng số giờ làm là 62 giờ, lượng quy đổi $= 9/26 = 0,35$ tháng.

3. Xe ô – tô 14C -14191 (xe ô tô Howo 25 tấn):

- Tháng 9: Làm từ ngày 14/9/2016 đến 15/10/2016 là 01 tháng, với tổng số giờ làm là 210 giờ 30 phút, thời gian tăng ca: $210 - 182 = 28,5$ giờ.

4. Xe ô – tô 14C - 02545 (xe ô tô Howo 25 tấn):

- Tháng 9: Làm từ ngày 14/9/2016 đến 15/10/2016 là 01 tháng, với tổng số giờ làm là 192 giờ 30 phút, thời gian tăng ca: $192,5 - 182 = 10,5$ giờ.

5. Nhân công:

Giờ làm tăng ca của nhân công được tính theo giờ làm tăng ca của máy và phương tiện vận chuyển. Theo đó, tổng số giờ làm tăng ca của nhân công là: 29 giờ + 28,5 giờ + 10,5 giờ = 68 giờ.

6. Sửa máy:

Theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng thuê máy số 12 “*Nếu máy sửa chữa lớn (giá sửa lớn hơn 2.000.000) thì bên A chịu tiền sửa*”. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, máy hỏng phát sinh chi phí sửa chữa là 6.405.000 đồng - ông Bùi Vũ H1 (là người được bên B giao trách nhiệm thực hiện và thanh toán theo Điều 3 của Hợp đồng) đã thanh toán số tiền này và không có hóa đơn đề xuất lại cho C.ty V, nên số tiền ông H1 đã thanh toán này được khấu trừ trực tiếp vào giá trị Hợp đồng.

Căn cứ Bảng tính chi tiết tiền thuê máy móc thiết bị (Bảng 1) tại Điều 1 của Hợp đồng và Bảng tính máy móc thiết bị làm thêm giờ (Bảng 2) tại Điều 2 của Hợp đồng, C.ty V tổng hợp giá trị Hợp đồng số 12 là:

327.225.000 đồng + 10% thuế giá trị gia tăng (32.722.500đ) = 359.947.500 đồng.

Sau khi tổng hợp giá trị Hợp đồng số 12, hai bên thống nhất giữ nguyên khối lượng thực hiện theo tháng và quy đổi giờ tăng ca của máy xúc, giờ tăng ca của ô tô, giờ tăng ca của nhân công và tiền sửa máy thành giờ tăng ca của máy xúc và giờ tăng ca của nhân công tổng cộng là 45 giờ tăng ca. Từ đó C.ty V lập hóa đơn GTGT số 0000054 ngày 31/12/2016 như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đoan giá	Thành tiền
1	Xe ô tô Howo 25 tấn	tháng	01	50.000.000	50.000.000
2	Xe ô tô Howo 25 tấn	Tháng	01	50.000.000	50.000.000
3	Máy xúc Sola Deawoo300	tháng	1,79	70.000.000	125.300.000
4	Máy ủi D65	tháng	1,35	60.000.000	81.000.000
5	Giờ tăng ca của máy xúc	Giờ	45	385.000	17.325.000
6	Nhân công	Giờ	45	80.000	3.600.000
Cộng tiền hàng					327.225.000
Thuế suất GTGT: 10%, tiền thuế GTGT					32.722.500
Tổng cộng tiền thanh toán					359.947.500

Ngày 08/05/2017, hai bên đã tiến hành lập biên bản đối chiếu công nợ, theo đó đến ngày 30/4/2017, tổng số tiền C.ty B còn nợ C.ty V là 359.947.500đ (*Ba trăm năm mươi chín triệu, chín bốn bảy nghìn năm trăm đồng*). C.ty Vinacppa đã xuất hóa đơn GTGT số 0000054 ngày 31/12/2016 với doanh số chưa thuế GTGT: 327.225.000 đồng, tiền thuế GTGT là 32.722.500 đồng, tổng số tiền là: 359.947.500đ (*Ba trăm năm mươi chín triệu, chín bốn bảy nghìn năm trăm đồng*) cho C.ty B. C. ty Bạch Đằng 15, đã báo cáo kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào 32.722.500 đồng tại tờ khai thuế GTGT tháng 02/2017 với Cục Thuế thành phố H1 Phòng. Doanh số chưa thuế GTGT 327.225.000 đồng Công ty B đang hạch toán nợ TK 154, chưa hạch toán chi phía để xác định kết quả kinh doanh. C.ty B cũng báo cáo rõ với Cục thuế thành phố H1 Phòng: “*Đối với Công trình nhà thi đấu sân*

5000 chỗ ngồi Quảng Ninh đã thi công xong nhưng Công ty chưa nhận được thanh toán từ thầu chính Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Quốc tế Huy Hoàng nên chưa có kinh phí để thanh toán các khoản nợ đầu vào của Công trình này nói chung, thanh toán tiền thuê máy cho Công ty Vnói riêng”.

C.ty V đã nhiều lần yêu cầu C.ty B thanh toán số tiền 359.947.500 đồng cho C.ty V, thông qua Văn phòng Luật sư Duy Ích nhiều lần có văn bản yêu cầu C.ty B thanh toán nhưng C.ty B vẫn không thanh toán số tiền trên cho C.ty V. Theo công văn số 80^A/BDCDI15 ngày 26/04/2018 của C.ty B trả lời, lý do: *“Ông Bùi Vũ H1 đã đối chiếu xác nhận công nợ với V, tuy nhiên ông Bùi Vũ H1 đang gặp khó khăn về tài chính do việc tồn đọng khối lượng trên công trường chưa được nhà thầu chính xác nhận và thanh toán nên ông Bùi Vũ H1 chưa thanh toán kịp thời cho khách hàng cung cấp cũng như lộ trình thanh toán với C.ty V”.* (BL 78).

C.ty V đã cho C.ty B thuê máy công trình và nhân công vận hành máy theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng số 12; khối lượng công việc C.ty V đã được ông Bùi Vũ H1 ký xác nhận nghiệm thu và đối chiếu công nợ đầy đủ. Sau khi công việc hoàn tất C.ty V đã xuất hóa đơn GTGT số 0000054 ngày 31/12/2016 cho C.ty B; Trên cơ sở đó C. ty B cũng đã thực hiện việc báo cáo kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào 32.722.500 đồng tại tờ khai thuế GTGT tháng 02/2017 với Cục Thuế thành phố Hải Phòng. Nhưng C.ty B đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 359.947.500đ *(Ba trăm năm mươi chín triệu, chín bốn bảy nghìn năm trăm đồng)* cho C.ty V.

Quá trình tranh tụng tại Tòa án, C.ty B cung cấp Hợp đồng “Giao khoán nội bộ” số 24/HĐGK/2016 ngày 28/06/2016 giữa C.ty B với ông Bùi Vũ H1, và cho rằng: Vì ông H1 đã ký Hợp đồng giao khoán nội bộ với C.ty B, căn cứ Điều 4 của Hợp đồng số 12, ông H1 là người chịu trách nhiệm thanh toán với C.ty V. Do hiện nay ông H1 không có mặt ở địa phương, không về đối chiếu với C.ty Bnhững phần việc đã nghiệm thu, đã thanh toán cho C.ty Vnên C.ty B không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu đòi thanh toán tiền cho C.ty V như C.ty V kiện đòi. C.ty V không chấp nhận quan điểm này của C.ty B vì C.ty V ký Hợp đồng số 12 với C.ty B chứ không ký với ông Bùi Vũ H1; Khi hai bên ký Hợp đồng số 12, C.ty B không cho C.ty V biết về Hợp đồng giao khoán nội bộ số 24 ký ngày 28/06/2016 giữa C.ty B với ông Bùi Vũ H1, vì vậy C.ty V không biết việc ông H1 đã nhận khoán việc thi công các phần việc thuộc hàng mục hạ tầng ngoài Nhà thi đấu đa năng. Cũng vì thế C.ty V không biết và không phải chịu trách nhiệm trong việc ông H1 đã nhận tiền khoán việc của C.ty B để thanh toán cho khách hàng. C.ty V xác định ông Búi Vũ H1 chỉ là cán bộ nhân viên của C.ty Bạch Đằng, được C.ty B (bên B) giao thực hiện các công việc của Bên B đã ký với Bên A (C.ty V). Điều 4 của Hợp đồng 12 ghi nhận việc ông H1 thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của bên B - C.ty B. Thực tế ông H1 có thanh toán một số khoản chi phí sửa chữa nhỏ khi có hỏng hóc máy móc khi V thi công, giữa ông H1 và C.ty V đã đối chiếu công nợ xong xuôi sau đó C.ty V mới xuất hóa đơn GTGT cho C.ty B. C.ty B đã nhận Hóa đơn giá trị gia tăng do C.ty V xuất cho và đã thực hiện việc khai báo thuế với Cục thuế Hải Phòng để lấy đó làm cơ sở thanh toán với nhà thầu chính. Vì vậy C.ty B phải

chịu trách nhiệm thanh toán cho C.ty V theo giá trị Hợp đồng C.ty V đã thực hiện xong. Việc khoán nội bộ giữa C.ty B với ông Bùi Vũ H1 - C.ty V không biết, không phải chịu trách nhiệm.

Trong đơn khởi kiện ngày 30/5/2018, C.ty V yêu cầu C.ty B thanh toán:

- Tiền thuê máy công trình và nhân công vận hành máy theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê máy số 12 là: 359.947.500đ (*Ba trăm năm mươi chín triệu, chín bốn bảy nghìn năm trăm đồng*).

- Tiền lãi do lỗi chậm trả: Căn cứ Điều 306 Luật thương mại 2005.

Tại thời điểm khởi kiện (tháng 05/2018), lãi suất vay tại 03 Ngân hàng TMCP như sau: Ngân hàng Vietcombank: 8%/ năm, Ngân hàng Vietinbank: 8.7%/năm, Ngân hàng BIDV: 9%/ năm => Vậy tại thời điểm khởi kiện, mức lãi xuất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là $(8\% + 8.7\% + 9\%) : 3 \times 150\% = 12,85\%$. Do đó tiền lãi chậm trả 13 tháng (tính từ 30/4/2017 đến 31/05/2018) mà C.ty B phải thanh toán cho C.ty V là: $359.947.500đ \times (12,85\% : 12) \times 13 = 50.108.000$ đồng.

Tổng cộng, đề nghị Tòa án buộc C.ty B phải trả cho C.ty V là 410.055.500 đ (Bốn trăm mười triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thùy L bổ sung thêm nội dung kiện đòi tiền, đề nghị Tòa án buộc C.ty B phải trả thêm khoản tiền lãi chậm trả 21 tháng (tính từ ngày 01/06/2018 đến khi mở phiên tòa sơ thẩm 02/03/2020) là: $359.947.500đ \times (12,85\% : 12) \times 21 = 80.943.000$ đồng.

C.ty V đề nghị Tòa án buộc C.ty B phải trả cho C.ty V tổng số tiền lãi do lỗi chậm trả là: $50.108.000$ đồng + $80.943.000$ đồng = $131.051.000$ đồng (Một trăm ba một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng : số tiền C.ty B phải trả cho C.ty V là **490.998.500đ** (Bốn trăm chín mươi triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm đồng).

** Trong quá trình tham gia hòa giải, đối chứng chứng cứ (BL: 98, 106-107, 115-116, 177-180) ông Phạm Tiến H trình bày:*

Ngày 11/09/2016, C.ty B và C.ty V có ký Hợp đồng số 12/HĐTM về việc thuê máy công trình, hợp đồng này gồm 4 trang, không có phụ lục kèm theo. Việc ký kết hợp đồng do người có thẩm quyền của C.ty B là ông Lê Tiến V- Chức vụ: giám đốc thực hiện. Trong quá trình hai bên thực hiện hợp đồng, C.ty B giao cho ông Bùi Vũ H1 – là đội trưởng Đội xây dựng số 3 của Cty Bạch Đằng 15 giám sát, nghiệm thu và thanh toán cho C.ty V theo Hợp đồng khoán nội bộ số 24/HĐGK/2016 ngày 28/06/2016 giữa ông Bùi Vũ H1 với C.ty B. Căn cứ theo Điều 4 của Hợp đồng thuê máy số 12 thì ông Bùi Vũ H1 – Đội trưởng đội xây dựng số 3 là người chịu trách nhiệm thanh toán Hợp đồng này với (khách hàng) C.ty V.

Do ông Bùi Vũ H1 hiện đã đi khỏi nơi cư trú – theo dư luận thì hiện nay ông Bùi Vũ H1 đang làm việc ở thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ cụ thể). C.ty

Bcũng đã liên lạc với ông Bùi Vũ H1 qua số điện thoại 0982 262 877 và số Gmail của ông H1 là: buivuhai71@gmail.com, đã đôn đốc ông H1 trở về C.ty B để đối chiếu công việc liên quan đến việc nghiệm thu, thanh toán công việc của Hợp đồng số 12 với C.ty V nhưng đến nay ông H1 vẫn chưa về. Do ông H1 chưa quyết toán xong với C.ty B đối với công trình Nhà thi đấu 5000 chỗ, vì vậy C.ty B cũng chưa thanh quyết toán được với đơn vị chủ đầu tư (nhà thầu chính) là Công ty TM Quốc tế Huy Hoàng. Vì vậy, các chứng từ liên quan đến phát sinh công nợ với C.ty V chưa được Đối xây dựng số 3 do ông Bùi Vũ H1 là đội trưởng gửi về cho C.ty B, C.ty B chưa đối chiếu nhật trình và bên bản nghiệm thu, ông H1 chưa cung cấp hồ sơ công nợ với C.ty V, chưa thống nhất được số liệu về công nợ với V là 359.947.500 đồng nên C.ty B chưa biết chính xác các phần việc Công ty V đã thực hiện theo Hợp đồng số 12, chưa có cơ sở xác nhận công nợ với C.ty V theo Hợp đồng số 12 như C.ty V yêu cầu. Mặc dù Nhà thi đấu đa năng 5000 chỗ đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng, nhưng C.ty B chưa triệu tập được ông Bùi Vũ H1 về C.ty để thanh quyết toán các phân khối lượng công việc ông H1 đã nghiệm thu, hiện nay cũng chưa quyết toán được công việc giữa C.ty B với C.ty Cổ phần Thương mại – Đầu tư Quốc tế Huy Hoàng (nhà thầu), vì vậy C.ty B chưa thanh quyết toán được với C.ty V.

Qua xem xét toàn bộ tài liệu thống kê, tổng hợp thanh toán khối lượng công việc C.ty V đã thực hiện theo Hợp đồng số 12 có chữ ký nghiệm thu của ông Bùi Vũ H1 do bên nguyên đơn gửi kèm theo Đơn khởi kiện và bản trình bày chi tiết về việc C.ty V đã làm, do người đại diện của nguyên đơn cung cấp tại phiên hòa giải, phiên họp đối chứng cứ, ông Hoài chưa thừa nhận nội dung các tài liệu này, chưa khẳng định được chữ ký trong các tài liệu này là chữ ký của ông Bùi Vũ H1. C.ty B không yêu cầu giám định chữ ký của ông H1 trong các tài liệu này.

Nay Cty V khởi kiện C.ty B và yêu cầu thanh toán công nợ với số tiền nợ do khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng cho thuê máy công trình số 12 là 359.947.500đ, và tiền lãi phát sinh do lỗi chậm trả từ 30/4/2017 đến 31/5/2018 là 131.051.000 đồng , tổng cộng là **490.998.500** đồng, C.ty B chưa có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Phạm Tiến H trình bày:

- Khi ký Hợp đồng số 12 với C.ty V, C.ty B không cho C.ty V biết về Hợp đồng giao khoán nội bộ giữa ông Bùi Vũ H1 và C.ty B Hợp đồng số 12 không có phụ lục là Hợp đồng giao khoán nội bộ giữa ông Bùi Vũ H1 và C.ty B.

- C.ty B nhận được Hóa đơn GTGT số 0000054 ngày 31/12/2016 của C.ty V xuất cho C.ty B; C.ty B cũng đã thực hiện việc báo cáo kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào 32.722.500 đồng tại tờ khai thuế GTGT tháng 02/2017 với Cục Thuế thành phố Hải Phòng. Mục đích là để có căn cứ thanh toán tiền công trình với chủ đầu tư (Công ty TM Quốc tế Huy Hoàng – là nhà thầu chính), qua đó cũng biết khối lượng công việc V đã hoàn thành theo Hợp đồng cho thuê máy công trình số 12 có giá trị là 327.225.000 đồng.

- Tại tờ khai thuế GTGT tháng 02/2017 của C.ty B với Cục thuế Hải Phòng,

C.ty B cũng báo cáo: Doanh số chưa thuế GTGT 327.225.000 đồng C. ty Bạch Đằng 15 đang hạch toán nợ TK 154, chưa hạch toán chi phía để xác định kết quả kinh doanh. Đối với Công trình nhà thi đấu sân 5000 chỗ ngồi Quảng Ninh đã thi công xong nhưng Công ty chưa nhận được thành toán từ thầu chính Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Quốc tế H nên chưa có kinh phí để thanh toán các khoản nợ đầu vào của Công trình này nói chung, thanh toán tiền thuê máy cho C.ty V nói riêng.

- C.ty B đã liên lạc được với ông Bùi Vũ H1, yêu cầu ông H1 về C.ty để đối chiếu số liệu công việc đã nghiệm thu, thanh toán với C.ty V nói riêng và các khách hàng khác nói chung (vì ông H1 còn nhận giao khoán một số phần việc khác trong việc thi công Hạ tầng ngoài Nhà thi đấu 5000 chỗ Quảng Ninh). Sau khi ông H1 về giải quyết công việc có liên quan rõ ràng, C.ty B được nhà thầu chính là C.ty H trả tiền thì sẽ thực hiện việc thanh toán cho C.ty V nói riêng và các khách hàng khác nói chung. Nhưng do hiện nay ông H1 chưa về làm việc với C.ty B nên C.ty B chưa có cơ sở để thanh toán tiền Tiền thuê máy công trình và nhân công vận hành máy theo thỏa thuận trong Hợp đồng số 12 như C.ty V yêu cầu, cũng chưa thể chấp nhận được tiền lãi do lỗi chậm trả vì chưa xác định được số tiền phải thanh toán gốc là bao nhiêu.

Với nội dung trên, tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/ST-KDTM, ngày: 09/03/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, xử: Căn cứ: khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 228, Điều 85, 86, 87, 137, 138 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 385, 472, 481, khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2005; Điều 85, 306 Luật Thương mại 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: - Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bổ sung nội dung khởi kiện trong việc “Tranh chấp Hợp đồng thuê tài sản” của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng V với Công ty CP Xây dựng Đầu tư và phát triển B

- Hợp đồng cho thuê máy công trình số 12/HĐTM-V ngày 10/09/2016 có hiệu lực pháp luật.

- Công ty CP Xây dựng Đầu tư và phát triển B phải thanh toán tiền cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng V số tiền cụ thể như sau:

+ Tiền thuê máy công trình và nhân công vận hành máy theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê máy số 12 là: 359.947.500đ (*Ba trăm năm mươi chín triệu, chín bốn bảy nghìn năm trăm đồng*).

+ Tiền lãi do lỗi chậm trả 34 tháng (từ 30/4/2017 đến 02/03/2020) là: $359.947.500 \text{ đ} \times (12,85\% : 12) \times 34 = 131.051.000 \text{ đồng}$ (*Một trăm ba một triệu, không trăm năm một nghìn đồng*).

Tổng cộng : là 490.998.500 đ (*Bốn trăm chín mươi triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên buộc nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 16/3/2020, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Trách nhiệm trả nợ thuộc ông Bùi Vũ H1, vì lý do: Công ty đã giao cho ông Bùi Vũ H1 – đội trưởng đội xây dựng số 3 chịu trách nhiệm thực hiện và thanh toán hợp đồng thuê máy số 12. Ông H1 không có mặt tại phiên tòa, không đối chiếu được chính xác tài liệu, số lượng, do đó việc xét xử không đúng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Ngày 17/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh kháng nghị các nội dung: 1. Về xác định quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện của Công ty V có nội dung thể hiện: Công ty V và Công ty B đã ký hợp đồng có nội dung: Công ty Bạch Đằng 15 thuê máy xúc, máy ủi, ô tô (bao gồm cả công nhân vận hành máy) để phục thi công công trình Nhà thi đấu đa năng, thời gian làm việc là 7h/ngày = 182h/tháng = 26ca/tháng. Công ty V có nhiệm vụ an toàn lao động, trả lương cho công nhân vận hành máy, chịu trách nhiệm đối với mọi rủi ro khi thi công... Công ty B chịu chi phí dầu máy, cử cán bộ trông coi máy móc khi không hoạt động, nếu mất phải bồi thường thiệt hại... Như vậy, nội dung thỏa thuận thể hiện: Công ty B thuê Công ty V thực hiện công việc có trả tiền, được cung ứng máy móc, thiết bị và nhân công; phương thức thanh toán theo ngày công lao động của công nhân vận hành. Vì vậy, mặc dù hợp đồng có tiêu đề là: “Hợp đồng thuê tài sản” nhưng do đối tượng của hợp đồng là những công việc cụ thể được pháp luật thừa nhận nên đây phải là Hợp đồng dịch vụ theo quy định tại Điều 518, 519 Bộ luật dân sự năm 2005. Bản án sơ thẩm xác định mối quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản”, trong khi đối tượng của hợp đồng không phải là tài sản là chưa đảm bảo.

2. Về áp dụng pháp luật: Do xác định sai mối quan hệ pháp luật nên bản án đã áp dụng Điều 481 BLDS năm 2005 (quy định về Giá thuê tài sản) là không đúng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn áp dụng các Điều 472, khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2005 (quy định về quyền sở hữu đối với tài sản vay; về chấm dứt thế chấp tài sản) là không phù hợp với quan hệ pháp luật tranh chấp. Hơn nữa, Tòa án không quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng lại viện dẫn Điều 137, 138 Bộ luật tố tụng dân sự (quy định về việc thay đổi, bổ sung, hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời) là không phù hợp.

3. Về nội dung: Bản án tuyên buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty V tổng số tiền 490.998.500 đồng (tiền thuê máy, nhân công vận hành 359.947.500 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán 131.051.000 đồng) nhưng không xác định nghĩa vụ chậm trả khi thi hành án, là vi phạm quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, các thẩm phán và thư ký tòa án đã chấp

hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người đại diện đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71, 72 BLTTDS; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định về quyền, nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 73 BLTTDS.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 03/2020/KDTM- ST ngày 09/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đối với phần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, viện dẫn điều luật, xác định nghĩa vụ chậm trả khi thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, quan hệ pháp luật: Cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật và xác định đúng tư cách đương sự.

Kháng cáo của bị đơn và kháng nghị làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Vũ H1, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Bùi Vũ H1.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty B cho rằng: Trách nhiệm trả nợ thuộc ông Bùi Vũ H1, vì lý do: Công ty đã giao cho ông Bùi Vũ H1 – đội trưởng đội xây dựng số 3 chịu trách nhiệm thực hiện và thanh toán hợp đồng thuê máy số 12. Ông H1 không có mặt tại phiên tòa, không đối chiếu được chính xác tài liệu, số lượng, do đó việc xét xử không đúng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Hội đồng xét xử thấy: Tại các phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do sức khỏe không tốt, do dịch Covid- 19 nhưng không đưa ra được căn cứ, mặt khác thành phố Hải Phòng không phải là tỉnh bị giãn cách xã hội theo chủ trương phòng chống dịch Covid- 19. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty B. Bản án sơ thẩm buộc Công ty CP Xây dựng Đầu tư và phát triển B phải thanh toán tiền cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng V có hiệu lực pháp luật.

[3] Kháng nghị của Viện kiểm sát:

- Thứ nhất, về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện của Công ty V có nội dung thể hiện: Công ty V và Công ty B đã ký hợp đồng có nội dung: Công ty B thuê máy xúc, máy ủi, ô tô (bao gồm cả công nhân vận hành máy) để phục vụ thi công công trình Nhà thi đấu đa năng, thời gian làm việc là 7h/ngày = 182h/tháng = 26ca/tháng. Công ty V có nhiệm vụ an toàn lao động, trả lương cho công nhân vận hành máy, chịu trách nhiệm đối với mọi rủi ro khi thi công... Công ty B chịu chi phí dầu máy, cử cán bộ trông coi máy móc khi không hoạt động, nếu mất phải bồi thường thiệt hại...

Điều 472 Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định: “Hợp đồng thuê tài sản...

theo đó bên cho thuê giao tài sản cho bên thuê để sử dụng trong một thời hạn, bên thuê phải trả tiền thuê”. Tại hợp đồng thuê tài sản số 12 giữa Công ty TNHH Đầu tư xây dựng V và CTCP Xây dựng – đầu tư phát triển B, đối tượng là máy xúc, máy ủi, ô tô. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng thuê tài sản là phù hợp, nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát không có căn cứ chấp nhận.

- Thứ hai, bản án sơ thẩm áp dụng các Điều 472, khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2005 (quy định về quyền sở hữu đối với tài sản vay, về chấm dứt thế chấp tài sản). Hơn nữa, Toà án không quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng lại viện dẫn Điều 137, 138 Bộ luật Tố tụng Dân sự (quy định về việc thay đổi, bổ sung, hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời).

Hội đồng xét xử thấy, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng nhưng bản án lại áp dụng các điều luật (Điều 472, khoản 1 Điều 357 BLDS năm 2005) về quyền sở hữu tài sản vay, thế chấp tài sản; mặt khác hồ sơ vụ án không có áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng lại áp dụng Điều 137 BLTTDS, quy định: Thay đổi, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; Điều 138 BLTTDS, quy định: Hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Cấp sơ thẩm áp dụng các quy định trên là câu thả, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

- Thứ ba, bản án tuyên buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty V tổng số tiền 490.998.500 đồng (tiền thuê máy, nhân công vận hành 359.947.500 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán 131.051.000 đồng) nhưng không xác định nghĩa vụ chậm trả khi thi hành án, là vi phạm quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Mặt khác, hợp đồng giữa CTCP Xây dựng - Đầu tư phát triển B và Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng V ký kết ngày 10/9/2016 có nội dung hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết, cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết là không chính xác.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Sửa bản án sơ thẩm về áp dụng điều luật.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Đây là vụ án kinh doanh thương mại, nhưng cấp sơ thẩm báo dự phí thiếu cần rút kinh nghiệm.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Đình chỉ xét xử phúc

thâm đối với kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần xây dựng – Đầu tư Phát triển B.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/ST-KDTM, ngày: 09/03/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

Căn cứ: khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 85, 86, 87 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 472, 473, 474, 481, Điều 357, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 85, 306 Luật Thương mại 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng V.

Công ty CP Xây dựng Đầu tư và phát triển Bạch Đằng 15 phải thanh toán tiền cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng V số tiền cụ thể như sau:

+ Tiền thuê máy công trình và nhân công vận hành máy theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê máy số 12 là: 359.947.500đ (*Ba trăm năm mươi chín triệu, chín bốn bảy nghìn năm trăm đồng*).

+ Tiền lãi do lỗi chậm trả 34 tháng (từ 30/4/2017 đến 02/03/2020) là: $359.947.500 \text{ đ} \times (12,85\% : 12) \times 34 = 131.051.000 \text{ đồng}$ (*Một trăm ba một triệu, không trăm năm một nghìn đồng*).

Tổng cộng: là 490.998.500 đ (*Bốn trăm chín mươi triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty CP Xây dựng Đầu tư và phát triển B phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

2- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, phúc thẩm:

- Buộc Công ty CP Xây dựng Đầu tư và phát triển B phải chịu 23.640.000đ (*Hai ba triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ

thẩm.

- Công ty CP Xây dựng Đầu tư và phát triển B phải chịu 2.000.000đ, án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được trừ đi 300.000đ, dự phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002319 ngày 04/5/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, còn phải nộp 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng), án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long;
- Chi cục Thi hành án thành phố Hạ Long;
- Văn phòng, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Thắng